

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BIDV	Bank for Investment and Development
2	CN	Chi nhánh
3	TMCP	Thương mại cổ phần
4	NHTM	Ngân hàng thương mại
5	CAD	Cash against documents
6	L/C	Letter of credit (thư tín dụng)
7	UCP	The Uniform Customs and Practice for Documentary Credits (quy tắc thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ)
8	CISG	Convention on Contracts for the International Sale of Goods (Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế)
9	ULB	Uniform Law for Bill of exchange (luật thống nhất về hối phiếu)
10	URC	Uniform Rules for Collection (quy tắc thống nhất về nhờ thu)
11	NH	Ngân hàng
12	NHPH	Ngân hàng phát hành
14	TTQT	Thanh toán quốc tế
15	T/T	Telegraphic Transfe (chuyển tiền bằng điện)
16	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
17	USD	United States Dollar (đô la Mỹ)
18	TDCT	Tín dụng chứng từ
19	XNK	Xuất nhập khẩu
20	NHNH	Ngân hàng nhà nước
21	WTO	World Trade Organization (Tổ chức Thương mại Thế giới)
22	AFTA	ASEAN Free Trade Area (Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN)

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh tại BIDV - CN Sài Gòn	24
Bảng 2.2: Doanh thu hoạt động TTQT tại BIDV - CN Sài Gòn	26
Bảng 2.3: Doanh số hoạt động phương thức TTQT theo chiều xuất khẩu	27
Bảng 2.4: Doanh số hoạt động phương thức TTQT theo chiều nhập khẩu	28
Bảng 2.5: Doanh số TTQT theo phương thức TDCT	31
Biểu đồ 2.1: Kết quả hoạt động kinh doanh BIDV giai đoạn 2021 – 2023	25
Biểu đồ 2.2: Doanh số hoạt động phương thức TTQT theo chiều xuất khẩu	27
Biểu đồ 2.3: Doanh số hoạt động phương thức TTQT theo chiều nhập khẩu	29
Biểu đồ 2.4: Doanh số TTQT theo phương thức TDCT	31

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

Hình 2.1: Logo Ngân hàng BIDV	18
Sơ đồ 1.1: Quy trình nghiệp vụ thực hiện phương thức tín dụng chứng từ	10
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Ngân hàng BIDV – CN Sài Gòn.....	21
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ quy trình nghiệp vụ tín dụng chứng từ xuất khẩu	32
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ quy trình nghiệp vụ tín dụng chứng từ nhập khẩu	36